

MỘT SỐ TỪ THÂN TỘC TRONG CÁCH XUNG HỒ CỦA NGƯỜI NÙNG (TIẾP CẬN DƯỚI GÓC ĐỘ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA)

Phạm Ngọc Thường

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn

TÓM TẮT

Nghiên cứu từ xưng hô dưới góc độ ngôn ngữ và văn hóa có thể giúp chúng ta phát hiện và lý giải được nhiều hiện tượng xưng hô mà cách tiếp cận truyền thống chưa nhận ra được. Từ cách tiếp cận này, chúng tôi nhận thấy, trong tiếng Nùng, tiếng Việt, xưng hô không chỉ bằng đại từ mà xưng hô bao gồm nhiều yếu tố khác như danh từ thân tộc, danh từ chức nghiệp, các tên riêng... Đặc biệt, trong tiếng Nùng, tiếng Việt thì các yếu tố đó lại quyết định hơn là các đại từ thực sự. Bởi vì, nhờ các yếu tố không phải đại từ, nhân vật giao tiếp mới thể hiện được tất cả các cung bậc tình cảm, các mối quan hệ liên cá nhân cùng bản sắc văn hóa của dân tộc mình qua cách xưng hô – cụ thể là cách xưng hô.

Từ khóa: *Quan hệ gia đình, truyền thống văn hóa, cách tiếp cận*

Với sự phát triển của ngôn ngữ học theo hướng nghiên cứu ngôn ngữ trong hoạt động hành chức, trước hết là hành chức trong giao tiếp, vấn đề xưng hô được xem xét trong phạm vi rộng hơn, không chỉ còn là vấn đề thuần túy ngôn ngữ học nữa mà còn là vấn đề của ngữ dụng học, của xã hội ngôn ngữ học, của ngôn ngữ học xuyên văn hóa. Xuất phát từ tình hình nghiên cứu từ xưng hô theo những cách tiếp cận mới như trên, chúng tôi tiến hành *tìm hiểu một số từ thân tộc trong cách xưng hô của người Nùng dưới góc độ ngôn ngữ và văn hóa*.

Xưng *noọng* (em) trong gia tộc người Nùng

Từ *noọng* (em) trong tiếng người Nùng, ngoài kiểu xưng hô tương ứng chính xác với từ *có*, *ché* (anh, chị) như trong cách xưng *em* với *anh*, *chị* ở người Việt, còn có thể thay cho từ *lan* (cháu) để xưng với *cúng* (ông), *má* (bà), *xúc* (chú), *dé* (bác)... và thay thế cho từ *lục* (con) để xưng với *pá*, *mé* (bố, mẹ). Những người ở vị thế trên như *ông bà*, *chú bác*, *cha mẹ*... cũng gọi con cháu mình là *noọng*. Như vậy từ *noọng* vừa dùng để xưng – ngôi thứ nhất, vừa dùng để hô – ngôi thứ hai. Lối xưng hô này mang tính thuận nghịch:

Noọng ⇔ *cúng*, *má*, *pá mé*, *xúc*...

Đây là lối xưng hô khá phổ biến trong gia tộc người Nùng. Chúng tôi gọi cách xưng *noọng* như trên là *kiểu xưng đa hướng*.

Khi dùng làm từ xưng hô, từ *em* trong tiếng Việt cũng có tính đa hướng nhưng tính đa hướng đó khác với tính đa hướng trong kiểu xưng *noọng* ở tiếng Nùng. Thứ nhất, trong lối xưng hô này, người Việt chỉ gọi *con cháu* mình là *em* khi con cháu của họ còn nhỏ, nhằm thể hiện sự âu yếm, rút gần khoảng cách giữa các thế hệ. Ngược lại, người Nùng dùng từ *noọng* để xưng hô cho đến khi người mang vai *noọng* có gia đình riêng và con cái mới có thể chuyển sang lối xưng hô khác. Như vậy, khoảng thời gian sử dụng từ *noọng* trong xưng hô với các thành viên trong gia tộc dài hơn thời gian sử dụng từ *em* của tiếng Việt. Chính vì thế, tính đa hướng của từ *em* trong tiếng Việt khi được dùng làm từ xưng hô – xưng hô trong gia tộc và ngoài xã hội – thường mang *dụng ý tạo lập quan hệ*. Do đó, từ *em* trong tiếng Việt mang tính đa hướng *lâm thời*, trong khi đó, cách xưng *noọng* trong tiếng Nùng mang tính đa hướng *chính thống*. Cách xưng hô này của người Nùng đã làm thân thiết hóa, gần gũi hóa các mối quan hệ giữa các thế hệ trong gia tộc người Nùng.

Danh từ *lục* (con) trong xưng hô ở người Nùng

* Tel:

Tim hiểu cách xưng hô trong tiếng Nùng, chúng tôi nhận thấy, trong quan hệ con với cha mẹ người Nùng thường không (hoặc rất ít khi) dùng từ *lục* (con) để tự xưng trước cha mẹ. Đây là một hiện tượng đặc biệt. Bởi vì, với các dân tộc khác như Tay, Kinh... việc sử dụng danh từ thân tộc này trong quan hệ con với cha mẹ là phổ biến. Người Nùng không xưng *lục* (con) trước *pá, mé* (cha, mẹ) của mình vì những lý do sau:

Thứ nhất, trong hệ thống đại từ nhân xưng tiếng Nùng, đại từ *lại* là một đại từ đặc biệt không có từ tương đương với tiếng Việt. *Lại* là đại từ được người ở vị thế thấp dùng để xưng với người ở vị thế cao với sắc thái trang trọng, lịch sự. Tính chất đặc biệt của đại từ *lại* còn thể hiện ở chỗ: *lại* có thể thay thế cho danh từ *lục* (con) để xưng với *pá, mé* (cha, mẹ), vì thế, con cái người Nùng thường dùng từ *lại* để xưng với cha, mẹ chứ không dùng danh từ *lục*.

Thứ hai, do đặc điểm tín ngưỡng của dân tộc, trong nhiều gia đình người Nùng, con cái không gọi cha, mẹ là *pá, mé* mà gọi là *có* (anh), *tài có* (anh cả), *ché* (chị), *tài ché* (chị cả) và tự xưng là *noọng* (em). Sở dĩ như vậy vì khi sinh đứa con đầu lòng, người Nùng xem số mệnh cho đứa bé, nếu đứa bé khó nuôi hay xung khắc với cha, mẹ - thì họ sẽ gọi con mình là *noọng* và xưng bằng *có, ché* hoặc *xúc* (chú), *cú* (cô) và gọi con mình là *lan* (cháu). Người Nùng quan niệm rằng, nhờ sự nguy trang này (nguy trang bằng từ xưng hô) mà quan hệ giữa cha mẹ và con trở thành quan hệ giữa anh, chị với em, giữa cô, chú với cháu. Nhờ thế mà con cái cùng với cha, mẹ mới sống hòa thuận với nhau được và bản thân người con ấy mới dễ nuôi. Nhưng thường ở người con đầu tiên (nếu có số xung khắc với cha, mẹ) mới có sự thay đổi cách xưng hô như vậy. Nhưng các em sau trong gia đình (do thói quen hoặc để có sự thống nhất trong cách xưng hô trong nhà) cũng gọi cha, mẹ theo cách của anh, chị mình. Chúng tôi nhận thấy trong cách xưng hô “lêch” vai này - người Nùng cũng có những nguyên tắc chặt chẽ buộc mọi người phải tuân theo:

- Chỉ dùng các danh từ thân tộc chỉ người ngang vai với cha, mẹ mình như *cú* (cô), *xúc*

(chú), hay ở vai dưới cha, mẹ như *có* (anh), *ché* (chị)... để thay thế cho danh từ *pá, mé*. Các danh từ ở bậc trên so với cha, mẹ như *dé* (bác trai), *mú* (bác gái)... không được dùng làm từ thay thế để gọi *pá, mé* (cha, mẹ).

- Chỉ dùng các danh từ thân tộc trong quan hệ chính hệ (bên nội) như *cú* (cô), *xúc* (chú)... chứ không được dùng các danh từ trợ quan hệ phụ hệ (bên ngoại) như *khau* (cậu), *ná* (di) làm từ thay thế cho *pá, mé* (cha, mẹ).

Hiện tượng này có thể giải thích từ đặc điểm chế độ phụ quyền của người Nùng (và người Tay): “Trong xã hội người Tay, Nùng, chế độ phụ quyền đã thống trị từ lâu. Ông cậu hay ông bác (em hay anh mẹ) hầu như không có quyền lực hoặc nghĩa vụ gì đối với người cháu ngoại. Ngược lại, ông chú hay ông bác (em hay anh trai cha) có đủ mọi quyền lực đồng thời có nghĩa vụ đỡ đầu và săn sóc đối với người cháu nội chưa thành niên bị mồ côi cha, mẹ”^(*). Phải chăng vì thế mà các từ chỉ quan hệ mẫu hệ như *khau* (cậu), *ná* (di)... không được con cái người Nùng dùng làm từ xưng hô thay cho cách gọi *pá, mé*?

Tục kỵ húy trong xưng hô của người Nùng

Do ảnh hưởng đậm của văn hóa Hán nên trong cách xưng hô của người Nùng, *tục kỵ húy vẫn được duy trì và bảo tồn*. Điều đó được thể hiện ở chỗ, người Nùng luôn tránh gọi tên riêng của người đối thoại (nhất là người có vị thế cao) mà luôn gọi đúng chức vị của họ trong mối quan hệ với mình. Do đó, trong giao tiếp của người Nùng đã nảy sinh nhiều từ xưng hô, nhiều cách xưng hô độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa của dân tộc họ. Việc tránh gọi tên của người đối thoại được tuân thủ nghiêm ngặt trong cách xưng hô giữa dâu, rể với các thành viên trong gia tộc. Vì thế, trong xưng hô người Nùng có sự phân biệt giữa *noọng* – em ruột (hay em họ) và *noọng lù* (em dâu), *noọng khưi* (em rể), giữa *lan* (cháu) và *lan lù, lan khưi* (cháu dâu, cháu rể), giữa *xúc* (chú) và *cú chòong* (chồng cô), *di chòong* (chồng di)... Cách xưng hô này một mặt tránh gọi tên riêng của dâu, rể,

mặt khác nó làm bộc lộ mối quan hệ giữa các nhân vật hội thoại.

Trong tiếng Việt, danh từ thân tộc dùng để xưng hô chỉ là những yêu tố (từ) chỉ quan hệ thứ bậc như *cha, mẹ, ông, bà, anh, chị, em...*, những từ cụ thể hóa chỉ tương quan qua lại như *trai* (trong *bác trai, anh trai*), *gái* (trong *bác gái, chị gái*), *dâu* (trong *chị dâu, em dâu*), *rẻ* (trong *anh rẻ, em rẻ*)... không được dùng làm từ xưng hô. Trong tiếng Nùng lại khác, xưng hô vừa phải thể hiện quan hệ thứ bậc vừa phải bộc lộ quan hệ qua lại giữa các nhân vật hội thoại nên các từ: *chẻ fú* (anh rẻ), *lan lù* (cháu dâu), *mú* (bác gái), *dé* (bác trai), *cú choòng* (chú rẻ – chồng cô), *tài sláo* (chị dâu cả)... đều được dùng làm từ xưng hô.

Có thể nói, *tục kị húy đã làm phong phú thêm các từ xưng hô, các cách xưng hô trong gia tộc người Nùng*. Nhờ các từ, các cách xưng hô đó người Nùng dễ dàng bộc lộ vị thế, tình cảm, cùng các mối quan hệ trong gia tộc như: *dâu, rẻ, trai, gái, nội, ngoại,*) của mình với người đối thoại.

Danh từ thân tộc trong xưng hô ngoài xã hội của người Nùng

Các danh từ thân tộc trong tiếng Việt hầu hết đều có thể dùng để xưng hô ngoài xã hội. Trong tiếng Nùng lại khác, các danh từ thân tộc như *pá* (cha), *mé* (mẹ), *lục* (con) và các từ chỉ bên ngoại như *khau* (cậu), *ná* (di)... không dùng trong xưng hô ngoài xã hội.

Trong gia đình, cha, mẹ – con người Nùng ít khi xưng hô với nhau bằng danh từ chỉ mối quan hệ của mình: *pá, mé* ⇔ *lục*. Vì thế, những danh từ này không thể dùng trong xưng hô ngoài xã hội âu cũng là điều dễ hiểu.

Trong xưng hô ngoài xã hội, ở một phương diện nào đó, người Nùng có xu hướng *gia đình hóa* các mối quan hệ xã hội. Điều đó thể hiện ở chỗ, người Nùng “*gắn*” một số yếu tố thân tộc vào các mối quan hệ xã hội như *xăm* (thím), trong *xăm xăn* (thím thông gia), *thầu* (để), trong *thầu slay* (sư phụ – cha để), *lục* (con) trong *lục chực* (con nuôi)... Nghĩa là người Nùng “*nhập*” một số mối quan hệ xã hội vào trong quan hệ gia đình. Trong khi đó, người Việt lại dùng các yếu tố gia đình “*phủ*”

cho những mối quan hệ xã hội như cách gọi những người không phải cha, mẹ đẻ của mình là *bố, mẹ* và tự xưng là *con*. Trong cách xưng hô này, người Nùng có *xu thế hướng nội*, người Việt có *xu thế hướng ngoại*.

TÓM LẠI

Nghiên cứu từ xưng hô dưới góc độ ngôn ngữ và văn hóa có thể giúp chúng ta phát hiện và lý giải được nhiều hiện tượng xưng hô mà cách tiếp cận truyền thống chưa nhận ra được. Từ cách tiếp cận này, chúng tôi nhận thấy: trong tiếng Nùng xưng hô không chỉ bằng đại từ mà còn bao gồm nhiều yếu tố khác như: danh từ thân tộc, danh từ chức nghiệp, các tên riêng... Đặc biệt, các yếu tố đó lại quyết định hơn là các đại từ thực sự. Bởi vì, nhờ các yếu tố không phải là đại từ mà nhân vật giao tiếp mới thể hiện được nhiều cung bậc tình cảm cùng các mối quan hệ liên cá nhân và thắm đượm bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Chiến - *Từ xưng hô trong tiếng Việt. Việt Nam những vấn đề ngôn ngữ và văn hoá. Hội ngôn ngữ học Việt Nam. Trường ĐHN Hà Nội. Hà Nội 1993, tr 60 - 66.*
- [2]. Mông Ký Slay - *Vài nhận xét về đại từ xưng hô tiếng Nùng. Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam. NXBKHXH Hà Nội 1994, tr 79 - 83.*
- [3]. Hoàng Anh Thi - *Một số đặc điểm văn hoá Nhật - Việt qua việc khảo sát hệ thống từ xưng hô. Ngôn ngữ 1/1995, tr 59 - 67.*
- [4]. Nguyễn Minh Thuyết, Kim Young Soo - *Máy nhận xét về từ xưng hô tiếng Việt và tiếng Hàn Quốc. Tương đồng văn hoá Việt Nam- Hàn Quốc. Nxb Hà Nội, 1996, tr 350 - 357.*
- [5]. Phạm Ngọc Thường - *Đại từ nhân xưng khởi (tôi) trong tiếng Tày - Nùng, Ngôn ngữ và đời sống 4/1995, tr 20.*
- [6]. Phạm Ngọc Thường - *Xưng hô giữa vợ - chồng trong gia đình người Tày - Nùng. Dân tộc học 1/1995, tr 47 - 49.*
- [7]. Phạm Ngọc Thường - *Xưng hô giữa dâu rẻ với các thành viên trong gia tộc Tày - Nùng. Ngôn ngữ 2/ 1995, tr 51 - 57.*
- [8]. Phạm Ngọc Thường - *Những kiêng kỵ trong xưng hô ở người Nùng. Ngôn ngữ và đời sống 4/1996, tr 23 - 24.*
- [9]. Phạm Ngọc Thường - *Đặc điểm cách xưng hô trong tiếng Nùng (đối chiếu với tiếng Việt), Ngôn ngữ 1/1997, tr 62 - 67.*

SUMMARY

SEVERAL FAMILY RELATIONSHIP WORDS IN VOCAL STATEMENT OF NUNG TRIBE (LANGUAGE AND CULTURE – BASED APPROACH)**Pham Ngoc Thuong****Lang Son Department of Education and Training*

The study on words for calling in terms of language and culture explains communication phenomena which remains invisible with the support of the traditional approach. With this approach, we realize that in Nung's language and Kinh's language, people not only use personal pronouns but also depend on other factors to call each others, such as: family relationship nouns, nouns of career, proper nouns... Particularly, in Nung's language and Kinh's language, those factors are considered more important than pronouns. Thanks to those factors, people could show emotion, personal relationship and their own cultural tradition in communication.

Key words: *personal relationship, cultural tradition, approach.*

* Tel: